

B án số: 20/2023/DSPT.

Ngày: 18-5-2023

V/ v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán:

Ông Lê Quý My

Ông Nguyễn Văn Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/DSPT ngày 21 tháng 2 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn Q, sinh năm 1943 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1952,

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Q: Anh Trương Văn T2, sinh năm 1972;

Đều cư trú tại: Tổ 2, phường TL, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt anh T2, bà T. Vắng mặt ông Q)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1968 và chị Trần Thị H, sinh năm 1976,

Người đại diện theo ủy quyền cho chị H: Anh Lê Văn B

Đều cư trú tại: Tổ 2, phường TL, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt anh B, vắng mặt chị H)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Việt D, chức vụ – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. (Văn bản ủy quyền số 4438/GUQ-CTUBND ngày 12 tháng 12 năm 2022). Có đơn xin xử vắng mặt

3.2. UBND phường TL, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Như H1, sinh năm 1971– Phó chủ tịch UBND Phường TL. (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-CTUBND ngày 25 tháng 11 năm 2022) có đơn xin xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị M H2, sinh năm 1947, vắng mặt

4.2. Ông Vương Đức T1, sinh năm 1954, vắng mặt

Đều cư trú tại : Tổ 2, phường TL, Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

5. Người kháng cáo: Ông Trương Văn Q là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trương Văn Q và bà Phạm Thị T và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn anh Trương Văn T2 trình bày: Ngày 20/4/2003 ông Trương Văn Q, bà Phạm Thị T chuyển nhượng một phần diện tích đất của gia đình cho gia đình anh B, chị H, hai bên đã xác vị trí thửa đất chỉ ranh giới đất cụ thể giáp ranh như sau: Phía Nam tiếp giáp hộ gia đình T3, M cháu bà H2; Phía Đông tiếp giáp hộ gia đình L2 - ông Khuất Văn L; Phía Tây tiếp giáp đường dân sinh; Phía Bắc tiếp giáp hộ ông Q, bà T. Có sơ đồ trong giấy chuyển nhượng, theo đó có chiều dài 25m, chiều rộng 4,8m. Tổng diện tích 120m², khi chuyển nhượng gia đình ông Q, bà T chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm chuyển nhượng chưa thể hiện có con đường dân sinh, hiện trạng đất lúc đó có trồng cây Mít, Nhãn, Bưởi. Năm 2003 gia đình anh B, chị H làm nhà trên đất chuyển nhượng, gia đình anh không có ý kiến gì. Năm 2015 gia đình anh mới ra một cửa của UBND thành phố SC tìm hồ sơ và được biết giấy chuyển nhượng không đúng với thửa đất mà anh B, chị H đang ở và đã làm đơn ra các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Chính quyền địa phương đã thành lập hội đồng hòa giải mời hai bên lên UBND phường hòa giải nhưng không hòa giải được.

Bên bản làm việc ngày 7/10/2005 tại TDP 2 phường TL: thành phần gồm có đại diện UBND phường, đại diện tổ dân phố 2, đại diện các hộ dân lân cận trong đó có bố anh là ông Trương Văn Q tại buổi làm việc đã thống nhất mở lại con đường cũ (có sơ đồ chi tiết kèm theo biên bản), việc này là có thật, anh có được biết bố anh là ông Q đã ký vào biên bản. Con đường đó chủ yếu là đất của gia đình ông Q (bố anh) bỏ ra để làm đường, anh không có tranh chấp gì và anh không có ý kiến gì khác. Gia đình anh chỉ tranh chấp với gia đình anh B diện tích 134m² tại thửa 170A, TBĐ 47-IV trên đất có nhà và các công trình do anh B xây dựng có địa chỉ tại phường TL, Tp SC, Thái Nguyên. Ngoài diện tích đất do gia đình anh B đang quản lý, sử dụng gia đình anh không có tranh chấp bất cứ diện tích đất nào khác.

Trên phần đất ông Q, bà T chuyển nhượng cho anh B, chị H trước khi chuyển nhượng có ngôi nhà 2 gian cấp 4 bỏ trống không có người ở, có một số cây trên đất như anh B trình bày. Khi bố mẹ anh phá dỡ nhà anh không được biết vì anh đang đi làm ăn ở xa không có mặt tại địa phương. Năm 2004 anh đi làm ăn về thì anh B đã xây nhà trên đất, anh có được biết nhưng không có ý kiến và tranh chấp gì.

Nay gia đình anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình anh B, chị H phải tháo dỡ nhà trả lại diện tích 134m² tại thửa 170A, tờ B đồ 47-IV, có địa chỉ tại tổ 2, phường TL, Tp SC, Thái Nguyên cho gia đình anh. Anh đề nghị đưa UBND T3 phố SC vào tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 800046 do UBND thị xã SC cấp ngày 12/8/2014 tại thửa số 170A, TBĐ 47-IV, diện tích 134m² mang tên Trần Thị H, Lê Văn B, có địa chỉ tại tổ 2, phường TL, Tp SC, Thái Nguyên.

*** Ý kiến của bị đơn anh B, chị H trình bày:**

Về nguồn gốc đất: Gia đình anh, chị có nhận chuyển nhượng 120m² diện tích đất từ gia đình ông Q, bà T tại thửa 170, tờ B đồ 47-IV với số tiền 27.000.000đồng, hai bên lập Giấy tờ chuyển nhượng viết tay thỏa thuận đưa trước 25.000.000 đồng, còn 2.000.000đ đến tháng 4/2004 trả nốt. Ngay ngày hôm sau là ngày 21/4/2003, gia đình anh và gia đình ông Q ra UBND phường TL xin xác nhận. Sau đó phường cho cán bộ địa chính là ông Dương Như H1 vào khảo sát hiện trạng đất, khi xem bản đồ phát hiện ra phần đất chuyển nhượng cho anh là thuộc vào phần đường dân sinh, anh, chị có gọi ông Bà Q, T, chị X là con gái ra để thảo luận về việc bán đất trên đường dân sinh. Ông Bà Q, T và gia đình anh thỏa thuận đổi phần đất bán sang vị trí khác thuộc phần đất mà gia đình anh, chị đang sử dụng (lúc đó có ngôi nhà cấp 4 hai gian không có người ở của ông Q và 5 cây Mít chạy dọc theo thửa đất). Khi thỏa thuận đổi phần đất bán sang vị trí khác và được các bên thống nhất. Tháng 8 năm 2003 gia đình anh, chị làm nhà ở, ông Q, bà T tự tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 hai gian đang ở và chặt 5 cây Mít trên đất, cùng với bức tường xây hàng rào bằng gạch để cho gia đình anh xây nhà. Khi gia đình anh xây dựng nhà gia đình ông Q, bà T không có ý kiến gì, không xảy ra tranh chấp gì. Gia đình anh, chị sống ổn định từ đó đến năm 2014 anh đi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên và được cấp giấy CNQSD đất. Năm 2005 UBND phường TL, đại diện tổ dân phố 2 và đại diện các hộ dân lân cận lập biên bản làm việc ngày 07/10/2005 thống nhất mở con đường cũ (có vẽ sơ đồ kèm theo) các thành phần chính quyền địa phương, tổ dân phố và các hộ dân đều nhất trí.

Nay anh T2 đại diện theo ủy quyền cho ông Q, bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình anh, chị phải tháo dỡ nhà trả lại diện tích 134m² tại thửa 170A, tờ B đồ 47-IV, có địa chỉ tại tổ 2, phường TL, Tp SC, Thái Nguyên đất tranh chấp cho gia đình ông Q, bà T và đòi lại diện tích tranh chấp được cấp trong giấy CNQSD đất của gia đình anh, chị không nhất trí. Lý do việc mua bán chuyển nhượng giữa gia đình anh và gia đình ông Q, bà T đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 800046 do UBND thị xã SC cấp ngày 12/8/2014 tại thửa số 170A, TĐĐ 47-IV, diện tích 134m² mang tên Trần Thị H, Lê Văn B, có địa chỉ tại tổ 2, phường TL, Tp SC, Thái Nguyên anh, chị không nhất trí, vì các thủ tục cấp đất đã hợp pháp theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Việt D - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên trình bày:

Năm 1978-1979, ông Trương Văn Q khai phá thửa đất số 170 tờ B đồ 47-IV để ở, quá trình sử dụng sau này có lấn đất liền kề. Năm 2003, hộ ông Q (chưa được cấp GCN QSDĐ) chuyển nhượng một phần đất sử dụng lấn chiếm đất liền kề đất khai phá cho hộ ông Lê Văn B xây nhà ở. Khi ông B dự kiến xây nhà ở thì biết nguồn gốc đất lấn chiếm, đã thỏa thuận với hộ ông Q để chuyển vị trí mua vào phần đất thổ cư ông Q khai phá, ông B làm nhà trên đất năm 2003 sử dụng ổn định

cho đến nay. Phần đất ông Q lấn chiếm đã được trả lại làm đường đi chung, thể hiện tại biên bản làm việc ngày 07/10/2005 do UBND phường TL lập về việc thống nhất đường đi sau khi có ý kiến phản ánh của nhân dân tổ dân phố, đường đi giáp nhà ông B đã được đối ứng đổ bê tông.

Hộ ông Trương Văn Q và bà Phạm Thị T (vợ ông Q) có đơn đề ngày 29/5/2005, đề nghị cấp GCN QSDĐ. UBND phường TL thiết lập hồ sơ cấp GCN QSDĐ đối với thửa đất số 170 tờ B đồ 47-IV trừ diện tích đất đã chuyển nhượng cho hộ ông B, có đại diện hộ ông Lê Văn B ký xác nhận giáp ranh. Hộ ông Q được cấp GCN QSDĐ số AC626389 ngày 23/01/2006, cấp thửa số 170, tờ B đồ 47-IV, diện tích 1.110m² (trong đó có 200m² đất ở, 910m² đất cây lâu năm), sơ đồ trên giấy chứng nhận thể hiện có một thửa đất liền kề tách ra là phần đất ông Q đã chuyển nhượng cho hộ ông B.

Hộ ông Lê Văn B và bà Trần Thị H (vợ ông B) có đơn đề nghị cấp GCN QSDĐ ngày 28/2/2014. UBND phường TL thiết lập hồ sơ cấp GCN đối với thửa đất số 170A tờ B đồ 47-IV (tách từ thửa 170), có đại diện hộ ông Q ký xác nhận giáp ranh. Hộ ông B được cấp GCN QSDĐ số phát hành BV 800046, số vào sổ CH01148C ngày 12/8/2014, thửa đất số 170A tờ B đồ 47-IV, diện tích 134m² đất ở. Hồ sơ có giấy tờ viết tay của hộ ông Q chuyển nhượng đất cho hộ ông B, có xác nhận của UBND phường TL ngày 21/4/2003.

UBND phường TL thiết lập hồ sơ cấp GCN QSDĐ cho hộ ông Lê Văn B đúng thực tế sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp tại thời điểm thiết lập hồ sơ. Trên cơ sở hồ sơ thiết lập, việc cấp GCN QSDĐ cho hộ ông Lê Văn B là đúng quy định.

Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận được thực hiện đúng trình tự quy định, đề nghị của ông Q về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ.

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố SC xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Như H1 – Phó chủ tịch UBND phường là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Xác định giấy tờ viết tay và sơ đồ chuyển nhượng ngày 21/3/2003 trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho ông Lê Văn B và bà Trần Thị H: UBND phường không thiết lập hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông B, bà H với hộ ông Q, bà T mà chỉ thiết lập hồ sơ cấp giấy CNQSD đất lần đầu đối với hộ ông B, bà H. Khi thiết lập hồ sơ chỉ căn cứ vào giấy viết tay ngày 21/3/2003 để xác định thời điểm hai bên giao dịch trong đó có cả việc giao nhận tiền. Sơ đồ cấp giấy CNQSD đất của ông B, bà H xác định theo hiện trạng sử dụng đất của gia đình, có sự tham gia chứng kiến và đồng ý của hộ giáp ranh cho ông B năm 2003 được ghi nhận cụ thể trong biên bản ngày 18/01/2014.

Đồng thời trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của gia đình ông Trương Văn Q, bà Phạm Thị T tại biên bản xác định diện tích đã ghi nhận nội dung tổng diện tích xin cấp thửa 170 là 1.110m², hụt 130m², lý do hụt là gia đình đã chuyển cho ông B

một phần diện tích trước khi làm thủ tục là đã công nhận diện tích ông B sử dụng như hiện trạng từ năm 2003 đến nay có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của gia đình ông Trương Văn Q, bà Phạm Thị T.

Xác định nội dung về tuyến đường dân sinh giáp hai thửa đất của ông B, ông T3: UBND phường TL đã tổ chức họp xét nguồn gốc toàn bộ tuyến đường và diện tích đất gia đình ông Trương Văn Q. Anh Trương Văn T2 đang sử dụng trồng chuối. Vị trí đất có nguồn gốc là đất đường từ trước năm 1980, đến năm 1992 sau khi xí nghiệp công trường 4 giải thể thì gia đình ông Trương Văn Q, bà Trương Thị T đã rào đất để sử dụng, phần còn lại vẫn là đường đi trên thực tế.

Năm 2005 tổ dân phố thống nhất mở lại đường đi, có ghi nhận bằng biên bản ngày 07/10/2005 gia đình ông Q, bà T đồng ý nội dung mở đường và ký biên bản trả lại tuyến đường để sử dụng như hiện nay trong đó có cả phần diện tích 103,29m² mà ông Q, anh T2 đang trồng chuối và đổ cát. Vị trí đường thể hiện trên B đồ số 47-IV đo đạc năm 1986 duyệt năm 1990 và tờ bản đồ được chỉnh lý năm 1992, kích thước tuyến đường thể hiện cụ thể trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của anh B tại biên bản ngày 18/01/2014, tuyến đường này thuộc ngách số 2 nối tiếp với đường ngõ 35 đi tổ dân phố BV.

Về trình tự thủ tục cấp giấy CNQSD đất số BV 800046 do UBND thị xã SC cấp ngày 12/8/2014 cho anh B, bà H là đúng quy định được UBND T3 phổ kết luận tại Văn bản số 1982/KL-UBND ngày 14/10/2019. Vị trí được cấp giấy CNQSD đất tại thửa 170A, tờ B đồ 47-IV, diện tích 134m² được mô tả trong trang 3 của giấy CNQSD đất là đúng vị trí như trong hồ sơ địa chính. Thời điểm thiết lập hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho anh B, bà H là năm 2014 trên đất đã có nhà ở xây dựng năm 2003 nên vị trí nhà ở là đúng với hồ sơ cấp giấy CNQSD đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST Ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã Quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Q và bà Phạm Thị T về việc buộc gia đình anh Lê Văn B và chị Trần Thị H phải tháo dỡ nhà, trả lại 134m² đất tại thửa 170A, tờ B đồ 47-IV và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 800046 do UBND thị xã SC cấp ngày 12/8/2014 đối với thửa số 170A, TĐĐ 47-IV, diện tích 134m² mang tên Trần Thị H, Lê Văn B, có địa chỉ tại tổ 2, phường TL, thành phố SC, Thái Nguyên. (có bản trích đo hiện trạng kèm theo)

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/01/2023 ông Trương Văn Q (người đại diện theo uỷ quyền anh Trương Văn T2) làm đơn kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc chị H, anh B phải trả lại đất cho gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Trương Văn Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trương Văn Q (người đại diện theo uỷ quyền anh Trương Văn T2) làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét các nội dung kháng cáo của ông Trương Văn Q (người đại diện theo uỷ quyền anh Trương Văn T2), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 2003 ông Bà Q-T đã chuyển nhượng cho anh chị B-H 120m² đất (4,8m x 25m) tại thửa 170, TĐĐ 47-IV (khi chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy CNQSD đất). Hai bên có viết giấy chuyển nhượng, có vẽ sơ họa phần đất chuyển nhượng kèm theo, số tiền chuyển nhượng là 27 triệu (đã thanh toán xong). Tháng 8 năm 2003, ông Bà Q-T đã phá dỡ 01 căn nhà cấp 4 và chặt 05 cây mít, phá bỏ tường rào để giao đất cho anh chị B-H xây nhà

Phía nguyên đơn cho rằng anh B, chị H đã xây nhà không đúng vị trí đất nhận chuyển nhượng. Còn theo phía bị đơn, việc anh chị xây nhà tại vị trí đất hiện nay là do sau khi viết giấy chuyển nhượng xong cán bộ địa chính (ông Dương Như H1) vào khảo sát hiện trạng đất, xem B đồ đã phát hiện ra vị trí đất chuyển nhượng nằm vào phần đường dân sinh, nên hai bên đã thỏa thuận bằng miệng đổi sang vị trí khác vẫn thuộc đất của ông Bà Q - T đang sử dụng, phần đất đổi trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 hai gian không có người ở và 5 cây Mít chạy dọc theo thửa đất, ông Q đã tự tay phá dỡ căn nhà, chặt 5 cây mít để giao đất cho anh B chị H làm nhà và không phát sinh tranh chấp với bất kỳ ai trong gia đình ông Q. Từ năm 2003 cho đến ngày 12/8/2014 anh B và chị H được cấp giấy chứng nhận QSD đất các bên đương sự đều sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

Năm 2005, ông Bà Q-T được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất 170, TĐĐ 47-IV, diện tích được cấp là 1.110m². Phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho anh B chị H, không nằm trong diện tích đất được cấp QSD đất của ông Bà Q-T (đất chuyển nhượng đã được trừ trước khi cấp giấy chứng nhận). Hiện trạng sử dụng đất của ông Q hiện nay, theo kết quả thẩm định của Tòa án là 2.291,44m², nhiều hơn phần diện tích đất được cấp QSD là 1.181,44m².

Mặt khác UBND phường TL cũng đã có văn bản xác định: ... *tuyến* đường có từ trước năm 1980 là đường dân sinh do phường quản lý, được thể hiện trên B đồ địa chính năm 1986-1987, đến năm 1992 sau khi xí nghiệp công trường 4 giải thể thì gia đình ông Trương Văn Q, bà Phạm Thị T đã rào đất để sử dụng, phần còn lại vẫn là đường đi trên thực tế. Năm 2005 tổ dân phố thống nhất mở lại đường đi, có

ghi nhận bằng biên bản ngày 07/10/2005 gia đình ông Q, bà T đồng ý nội dung mở đường và ký biên bản trả lại tuyến đường để sử dụng như hiện nay trong đó có cả phần diện tích 103,29m² mà ông Q, anh T2 đang trồng chuối và đổ cát hiện nay. Vị trí đường thể hiện trên B đồ số 47-IV đo đạc năm 1986 duyệt năm 1990 và tờ B đồ được chỉnh lý năm 1992, kích thước tuyến đường thể hiện cụ thể trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của anh B tại biên bản ngày 18/01/2014, tuyến đường này thuộc ngách số 2 nối tiếp với đường ngõ 35 đi tổ dân phố BV. Như vậy, nếu theo ý kiến của nguyên đơn thì phần diện tích đất ông Q đã chuyển nhượng cho anh chị B-H vào năm 2003, đã nằm hoàn toàn vào phần đường dân sinh, được thể hiện trên bản đồ địa chính từ năm 1986-1987, không thuộc quyền quản lý của gia đình ông Q, mà là đất công, nên việc ông Bà Q-T đã đổi vị trí đất khác cho anh B chị H xây nhà là phù hợp và hoàn toàn tự nguyện, không Bị ép buộc.

Tại văn bản do các hộ gia đình ông Vương Đức T1, ông Khuất Văn L, ông Trương Hữu Đ, ông Trương Văn Q, ông Trần Ngọc V (đã chết) và ông Lều Văn C lập ngày 10/7/2004, thể hiện các hộ đã tự nguyện trả lại đất đã lấn chiếm để mở lại đường dân sinh. Sự kiện này đã được nguyên đơn thừa nhận và xác nhận là đúng, việc ông Q đã ký biên bản là hoàn toàn tự nguyện.

UBND phường TL cũng đã xác nhận “Việc này do các hộ gia đình lấn chiếm đất công và trả lại đất, không phải các hộ gia đình hiến đất”.

Thông Báo số 49/TB-UBND ngày 4/12/2021 và thông Báo số 04; 42;43/TB-UBND năm 2022 của UBND phường TL yêu cầu gia đình ông Trương Văn T2 (bà Trần Thị Q) phải thu dọn tài sản trên phần đất có diện tích xác định mở đường đi chung tại ngách 2, ngõ 35, đường TL, bàn giao lại phần đất lấn chiếm cho tổ dân phố 2 làm đường.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện ông Trương Văn Q là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông Q không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Ông Q là người cao tuổi, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trương Văn Q miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trương Văn Q.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP SC;
- Chi cục THADS TP SC;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương